

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PTBV**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PTBV

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PTBV PRODUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108715003

**3. Ngày thành lập:** 24/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Biệt thự số 2-BT1, Khu đô thị mới Cổ Nhuế- Xuân Đình, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                        | 1621     |
| 2.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                  | 1622     |
| 3.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện | 1629     |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                                         | 2219     |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                             | 2220     |
| 6.  | Đúc sắt, thép                                                                            | 2431     |
| 7.  | Đúc kim loại màu                                                                         | 2432     |
| 8.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                           | 2511     |
| 9.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                         | 2591     |
| 10. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                             | 2592     |
| 11. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                              | 2599     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                    | 4322     |
| 13. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                           | 4329     |
| 14. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                           | 4330     |
| 15. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                      | 4390     |
| 16. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>( trừ đầu giá)     | 4530     |
| 17. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>( trừ đầu giá)                  | 4543     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa ( trừ đấu giá); Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                              | 4610        |
| 19. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>( trừ những loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                   | 4620        |
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn<br><br>điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                            | 4649        |
| 21. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn vải                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4641        |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4653        |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659(Chính) |
| 24. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>( trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4662        |
| 25. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                  | 4663        |
| 26. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                                                         | 4669        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics                                                                                                                                                                                                                                           | 5229        |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933        |
| 29. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3320        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 121985662

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 8, Ngõ 1 Khu 2, Thị trấn Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 8, Ngõ 1 Khu 2, Thị Trấn Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 01/11/1990      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: 121985662

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 8, Ngõ 1 Khu 2, Thị Trấn Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 8, Ngõ 1 Khu 2, Thị Trấn Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội